

Số: 84/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định, dự án phi lợi nhuận và cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 điều 157 Luật Đất đai năm 2024;

Xét Tờ trình số 11538/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định và dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định, dự án phi lợi nhuận và cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ

tướng Chính phủ quyết định, dự án phi lợi nhuận và cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, bao gồm:

1. Dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024, đồng thời đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Là dự án phi lợi nhuận;

b) Thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) được xác định theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Địa bàn ưu đãi đầu tư được xác định theo quy định của Luật Đầu tư, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư và Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc công bố danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn của tỉnh Phú Thọ.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa (có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện) theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 693/QĐ-TTg và Quyết định số 1470/QĐ-TTg nhưng không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sử dụng đất và các đối tượng khác có liên quan đến việc miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng chế độ ưu đãi

Việc áp dụng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo Nghị quyết này phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các nguyên tắc sau đây:

1. Dự án đang được hưởng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này mà trong quá trình thực hiện có điều chỉnh làm cho dự án không còn đáp ứng các quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thì không được tiếp tục hưởng

chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo Nghị quyết này kể từ thời điểm điều chỉnh.

2. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn nhiều phường, xã có chế độ ưu đãi khác nhau thì việc miễn tiền thuê đất được xác định theo diện tích đất thuê tương ứng với từng địa bàn áp dụng chế độ ưu đãi.

Điều 4. Chế độ ưu đãi đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này

1. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đất đối với:

a) Dự án phi lợi nhuận;

b) Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định, đồng thời thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong các lĩnh vực: giáo dục, y tế, môi trường.

2. Đối với các dự án còn lại được miễn thêm 10 (mười) năm tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 39 và từ điểm a đến điểm d khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Chế độ ưu đãi đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này

1. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đất đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, môi trường do cơ sở xã hội hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện.

2. Đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định còn lại do cơ sở xã hội hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện được miễn tiền thuê đất trong thời hạn 13 (mười ba) năm.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Dự án đang được hưởng ưu đãi về miễn tiền thuê đất theo các quy định trước đây mà mức ưu đãi cao hơn mức ưu đãi quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi đang áp dụng cho thời gian thuê đất còn lại. Trường hợp mức ưu đãi đang hưởng thấp hơn mức ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này thì được áp dụng mức ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này cho thời hạn thuê đất còn lại, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi

đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

c) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ bổ sung lĩnh vực y tế vào Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thứ Năm thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình